

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.737.204.152.519	1.681.976.867.578
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	19.668.831.214	79.973.102.291
1. Tiền	111		19.668.831.214	79.973.102.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		32.353.148.050	32.353.148.050
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	32.353.148.050	32.353.148.050
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.387.415.269.053	1.315.526.725.422
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.048.243.359.560	944.201.423.765
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	52.875.229.910	77.324.224.922
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	93.500.000.000	91.500.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	200.519.430.810	210.233.623.399
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.732.546.664)	(7.732.546.664)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		9.795.437	-
IV. Hàng tồn kho	140		285.483.197.464	250.056.381.250
1. Hàng tồn kho	141	V.7	285.483.197.464	250.056.381.250
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.283.706.738	4.067.510.565
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.625.373.233	1.947.670.682
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.641.029.694	772.497.721
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.017.303.811	1.347.342.162
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		947.269.993.163	901.115.924.654
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		501.915.500	505.154.885
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	501.915.500	505.154.885
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		127.139.605.332	121.842.949.855
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	91.772.435.381	93.263.585.649
<i>Nguyên giá</i>	222		159.098.353.824	158.401.525.077
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(67.325.918.443)	(65.137.939.428)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	19.865.507.824	14.876.171.048
<i>Nguyên giá</i>	225		22.706.587.751	16.914.197.215
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(2.841.079.927)	(2.038.026.167)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.501.662.127	13.703.193.158
<i>Nguyên giá</i>	228		22.084.385.781	20.079.682.269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.582.723.654)	(6.376.489.111)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.13	268.912.616.957	227.649.417.644
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		268.912.616.957	227.649.417.644
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		544.461.430.009	544.461.430.009
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	529.046.907.305	529.046.907.305
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	43.664.810.466	43.664.810.466
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.710.000.000	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(36.830.287.762)	(36.830.287.762)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	5.870.000.000	5.870.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.254.425.365	6.656.972.261
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.254.425.365	6.656.972.261
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.684.474.145.682	2.583.092.792.232

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.723.976.040.968	1.627.311.116.228
I. Nợ ngắn hạn	310		1.544.585.628.477	1.477.399.841.417
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	218.313.900.681	131.667.012.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.102.483.588	2.862.254.104
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	543.519.172	4.658.240.641
4. Phải trả người lao động	314		6.213.790.548	2.013.182.499
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.606.345.704	4.017.118.442
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.449.095.457	2.898.190.911
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	74.769.888.032	80.094.677.054
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	1.227.314.830.095	1.238.817.039.762
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	10.271.775.200	10.372.125.200
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		179.390.412.491	149.911.274.811
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	668.590.500	675.330.500
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	178.721.821.991	149.235.944.311
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối Kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		960.498.104.714	955.781.676.004
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	960.498.104.714	955.781.676.004
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		853.873.370.000	853.873.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		853.873.370.000	853.873.370.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.771.902.648)	(47.771.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.375.571.014	24.375.571.014
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		134.207.389.320	129.490.960.610
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		129.490.960.610	47.515.100.016
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.716.428.710	81.975.860.594
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.684.474.145.682	2.583.092.792.232

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SON HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Năm 2019		Năm 2018		Đơn vị tính: VND
		Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	640.267.870.000	593.310.030.169	640.267.870.000	593.310.030.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	7.651.688.283	8.555.859.851	7.651.688.283	8.555.859.851
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		632.616.181.717	584.754.170.318	632.616.181.717	584.754.170.318
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	598.758.206.715	572.436.817.075	598.758.206.715	572.436.817.075
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.857.975.002	12.317.353.243	33.857.975.002	12.317.353.243
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	15.167.311.602	32.699.561.349	15.167.311.602	32.699.561.349
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	19.271.339.966	20.595.453.105	19.271.339.966	20.595.453.105
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.215.159.067	16.415.513.520	19.215.159.067	16.415.513.520
8. Chi phí bán hàng	25	VL.6	11.465.886.938	8.830.268.077	11.465.886.938	8.830.268.077
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.7	14.043.320.458	11.074.957.747	14.043.320.458	11.074.957.747
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.244.739.242	4.516.235.663	4.244.739.242	4.516.235.663
11. Thu nhập khác	31	VL.8	582.230.029	633.028.378	582.230.029	633.028.378
12. Chi phí khác	32	VL.9	110.540.561	762.753.834	110.540.561	762.753.834
13. Lợi nhuận khác	40		471.689.468	(129.725.456)	471.689.468	(129.725.456)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.716.428.710	4.386.510.207	4.716.428.710	4.386.510.207
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-

CHỈ TIÊU

- 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
- 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu
- 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Mã Thuyết
số minh

Năm 2019
4.716.428.710
-
-

Năm 2018
4.386.510.207
-
-

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Năm 2019
4.716.428.710
-
-

Năm 2018
4.386.510.207
-
-

Người lập biểu



Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trần Thị Thủy



Lê Vinh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>4.716.428.710</i>	<i>4.386.510.207</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3.302.307.406	2.156.614.908
- Các khoản dự phòng	03		-	2.113.814.295
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.185.374.095)	(32.752.732.325)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	19.215.159.067	16.415.513.520
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>12.048.521.088</i>	<i>(7.680.279.395)</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(62.153.922.031)	(32.666.385.889)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(35.426.816.214)	13.564.630.295
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		56.655.186.266	(83.112.967.660)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.275.155.655)	(1.721.722.345)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.549.295.802)	(17.650.121.852)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.079.373.562)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	653.899.129
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(100.350.000)	(103.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(52.801.832.348)</i>	<i>(132.795.321.279)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(22.029.488.284)	(64.765.195.634)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		145.265.406	108.964.206
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(33.000.000.000)	(85.574.328.666)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		31.000.000.000	69.102.424.666
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(91.443.404.186)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	93.917.839.994
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.872.741.328	26.629.720.119
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>(21.011.481.550)</i>	<i>(52.023.979.501)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		516.265.867.604	781.708.212.034
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(501.580.438.096)	(581.325.756.697)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.176.386.687)	(296.151.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
				-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>13.509.042.821</i>	<i>200.086.304.337</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(60.304.271.077)	15.267.003.557
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79.973.102.291	56.315.629.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	19.668.831.214	71.582.632.608

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy



Lê Vĩnh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình nóng lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	51,59%	51,59%	51,59%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ	Dịch vụ vận tải	100%	100%	100%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Liêm, thành phố Hà Nội Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	88,92%	69%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Son Ha Myanmar International Limited	No. 33/B Damaryone Street, Ward No. 15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	55,13%	55,62%	55,13%
Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn mỹ	Khu Phố Hòa Lân, Phường Thuận Giao, Thị Xã Thuận An, Bình Dương,	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	99,78%	99,78%	99,78%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8, đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,13%	20,13%	20,13%
Công ty Cổ phần Cấp	Số 14/10, đường Lê Đại	Cung cấp, phân phối	20,15%	20,15%	20,15%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
thoát nước Lạng Sơn	Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	nước sạch			

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Hải Dương 2	Thôn Đại Tân, Xã Hoàng Tân, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương
Chi nhánh Phú Thọ	Khu 4 Vân Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
Chi nhánh Ninh Bình	Số 64, đường Trần Hưng Đạo, phố Bình Hà, phường Ninh Khánh, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Ninh Bình 2	Xóm 3, Lạc Vân, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
Chi nhánh Đông Anh	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyễn Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Hà Nam	Tổ 11, P.Quang Trung, TP Phủ Lý, Hà Nam
Chi nhánh Xuân Mai	Km 30+ 200 Yên Kiện, Đông Sơn, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên
Chi nhánh Thái Nguyên 2	Số 809 đường Cách Mạng tháng 8, tổ 9 Phường Gia Sàng, TP Thái Nguyên.
Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Tuyên Quang 2	Km 26 Thái Hòa, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang
Chi nhánh Quốc Oai	Thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2 - TT. Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, Phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
Chi nhánh Sơn La	Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sơn La 2	Số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, TT Nông Trường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Hòa Bình	Km 4, phố Ngọc, xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Bắc Giang	Số nhà 83, thông Dục Quang, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Già Khê, Xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Dĩnh Kế, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Thái Bình 2	Thôn Trình Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Chi nhánh Quốc Oai 2	Bên cạnh cây xăng, Cửa Sâu, thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
	Oai, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Lạng Sơn	Tổ 4, khối 10, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn
Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
Chi nhánh Nam Định 2	Tổ 14. TT Xuân Trường, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định
Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Hưng Yên 2	Phương Thông, Phương Chiểu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu Khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
Chi nhánh Quảng Ninh	Số 71, Lô A KĐT mới Tuần Châu, P. Hà Khẩu, TP. Hạ Long, Quảng Ninh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019 Công ty có 134 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 129 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của phương tiện vận tải thuê tài chính là 10 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất (47 năm).

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cổ phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	5.411.211.825	3.159.502.195
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.257.619.389	76.813.600.096
Cộng	19.668.831.214	79.973.102.291

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Ngắn hạn</i>	<i>32.353.148.050</i>	<i>32.353.148.050</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	32.353.148.050	32.353.148.050
<i>Dài hạn</i>	<i>5.870.000.000</i>	<i>5.870.000.000</i>
Trái phiếu	5.870.000.000	5.870.000.000
Cộng	38.223.148.050	38.223.148.050

2b. Đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>529.046.907.305</i>	<i>(5.424.509.146)</i>	<i>529.046.907.305</i>	<i>(5.424.509.146)</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà	80.000.000.000		80.000.000.000	
SSP Việt Nam ⁽ⁱ⁾				
Công ty TNHH MTV Sơn Hà	80.000.000.000		80.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nghệ An ⁽ⁱ⁾				
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà ⁽ⁱⁱⁱ⁾	23.215.500.000		23.215.500.000	
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh ^(iv)	107.000.000.000		107.000.000.000	
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà ^(v)	71.500.000.000		71.500.000.000	
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà ^(vi)	23.336.987.305		23.336.987.305	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà ^(vii)	2.550.000.000	(22.615.677)	2.550.000.000	(22.615.677)
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà ^(viii)	6.900.000.000		6.900.000.000	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc ^(ix)	10.000.000.000		10.000.000.000	
Son Ha Myanmar International Limited ^(x)	19.159.020.000	(5.401.893.469)	19.159.020.000	(5.401.893.469)
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền ^(xi)	50.000.000		50.000.000	
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ ^(xiv)	105.335.400.000		105.335.400.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	43.664.810.466	(31.405.778.616)	43.664.810.466	(31.405.778.616)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà ^(xii)	31.405.778.616	(31.405.778.616)	31.405.778.616	(31.405.778.616)
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn ^(xiii)	12.259.031.850		12.259.031.850	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.710.000.000		2.710.000.000	
Công ty Bất động sản Havico	2.710.000.000		2.710.000.000	
Cộng	575.421.717.771	(36.830.287.762)	575.421.717.771	(36.830.287.762)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106980045, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam 80.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2901793277 thay đổi lần thứ hai ngày 13 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An 80.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101809894 ngày 07 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư 2.063.600 cổ phiếu Công ty Cổ phần Phát

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- triển Năng lượng Sơn Hà, chiếm tỷ lệ 51,59% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300933508 thay đổi lần thứ 3 ngày 29 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh 107.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
 - (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300933586 thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà 71.500.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
 - (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107600722 thay đổi lần 2 ngày 28 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà 23.336.987.305 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
 - (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107776684 ngày 24 tháng 3 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà 2.550.000.000 VND, (255.000 cổ phiếu) tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
 - (viii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107833170 ngày 08 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà 690.000 Cổ phiếu tương đương 69% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
 - (ix) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107863062 ngày 26 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc 10.000.000.000 VND, tương đương với 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.
 - (x) Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài số 201600119 ngày 23 tháng 3 năm 2016 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, điều chỉnh lần thứ hai vào ngày 19 tháng 3 năm 2018, Công ty đầu tư 840.000 USD vào Sơn Ha Myanmar International Limited, tương đương 55,13% vốn điều lệ. Theo thống nhất của các bên tham gia góp vốn, Công ty đã tăng vốn góp lên là 840.000 USD, tương đương 55,13% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý IV.2018, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết là 840.000 USD, tương đương 19.159.020.000 VND.
 - (xi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901891940 ngày 30 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền 5.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã góp 50.000.000 VND Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Vốn điều lệ còn phải góp vào Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền là 4.950.000.000 VND.
 - (xii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý I.2019, Công ty nắm giữ 1.287.647 cổ phiếu, tương đương 20,13%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà.

- (xiii) Trong năm 2017 Công ty đã mua 20,15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn tương ứng với 1.009.602 cổ phần với giá mua 12.611.447.550 VND.
- (xiv) Tháng 10.2018 Công ty đã phát hành hoán đổi cổ phiếu để sở hữu 8.980.000 cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất – Kinh doanh Toàn Mỹ, chiếm tỷ lệ sở hữu 99,78%. Tại ngày kết thúc quý I.2019 Công ty đã góp 105.335.400.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyền hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Các công ty con: Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh, Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà, Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà, Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà, Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc, Công ty Sơn Hà Myanmar International Limited đã đi vào hoạt động trong năm.

Các công ty con, công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	36.830.287.762	21.109.216.261
Trích lập dự phòng bổ sung		15.835.269.972
Hoàn nhập dự phòng		(114.198.471)
Số cuối kỳ	<u>36.830.287.762</u>	<u>36.830.287.762</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>196.859.646.982</i>	<i>203.590.192.783</i>
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	1.741.369.356	987.615.499
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	3.990.585.495	5.459.977.683
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	3.873.510.746	4.358.123.160
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	32.719.828.712	56.344.136.013
Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà (SHK)	30.500.035.409	4.136.181.646

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	10.927.467.880	12.333.892.234
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	4.384.588.727	4.384.588.727
Công ty Cổ phần Kinh Doanh và Phát Triển Dự án Sơn Hà	4.522.449.089	8.214.297.218
Công ty TNHH MTV Logistic Sơn Hà	548.069.520	505.417.530
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	92.941.891.860	95.861.308.159
Son Ha Myanmar International Limited	6.931.759.727	6.931.759.727
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.949.645.120	2.920.175.420
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	416.840.271	422.196.171
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ	89.780.026	610.630.113
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Bắc	158.344.851	
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	163.480.193	119.893.483
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	851.383.712.578	740.611.230.982
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	132.423.028.342	139.857.837.381
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hung	145.540.130.637	144.412.159.501
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	119.058.813.974	115.477.198.883
Các khách hàng khác	454.361.739.625	340.864.035.217
Cộng	1.048.243.359.560	944.201.423.765
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Công nghiệp Trường Tuyền	500.000.000	500.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	52.375.229.910	76.824.224.922
Công ty CP Thương mại và Môi trường Việt Nam	894.176.023	6.536.959.461
Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng và Kinh doanh Thương Mại Công Hà	15.132.954.456	15.482.858.456
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HTĐT Tuấn Linh	1.625.374	9.235.500.000
Công ty CP Xây dựng Đô Thị Hòa Phú	1.563.015	9.003.813.501
NK_NINGBO NINGSHING TRADING GROU INC	15.638.433.868	15.638.433.868

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Lập Phúc	1.975.325.000	1.975.325.000
Inox - Công ty FALANA (NK)	2.215.617.684	
Công ty TNHH tối ưu mạng nước	3.269.202.300	2.589.292.300
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Kiến Trúc Việt	1.576.063.783	1.576.063.783
Các nhà cung cấp khác	11.670.268.407	14.785.978.553
Cộng	52.875.229.910	77.324.224.922

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	93.500.000.000	91.500.000.000
Cộng	93.500.000.000	91.500.000.000

Lãi suất cho Bên liên quan vay được xác định bằng bình quân lãi vay ngắn hạn các Ngân hàng mà Công ty đi vay.

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>192.095.101.647</i>		<i>201.102.545.746</i>	
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	151.374.259.145		163.067.320.597	
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	1.337.185.325		1.337.200.325	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	30.647.661.933		30.643.626.413	
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	3.879.382.606		3.879.382.606	
Son Ha Myanmar International Limited	1.860.650.917		1.797.274.254	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	24.541.000			
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	2.579.500.000		615.000	
Công ty TNHH MTV Sơn Hà	325.589.436		325.589.436	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hà SSP Việt Nam				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	1.344.085		1.344.085	
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Toàn Mỹ	64.987.200		47.657.280	
Cá nhân có liên quan			2.535.750	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.424.329.163		9.131.077.653	
Tạm ứng	227.924.694		641.990.438	
Ông Lê Tiến Thành - tạm ứng	251.743.000		175.000.000	
Ông Hoàng Hào Hiệp – tạm ứng			35.280.000	
Ông Trần Việt Dũng – tạm ứng			10.000.000	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	67.715.099			
Phải thu Bảo hiểm xã hội				
Ký cược, ký quỹ	697.637.673		2.828.530.349	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	7.179.308.697		5.440.276.866	
Cộng	200.519.430.810		210.233.623.399	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	501.915.500		505.154.885	
Ký cược, ký quỹ	501.415.500		505.154.885	
Các khoản phải thu dài hạn khác	500.000			
Cộng	501.915.500		505.154.885	

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TONG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>7.732.546.664</i>		<i>7.732.546.664</i>
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	trên 3 năm	3.540.903.520
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	trên 3 năm	1.891.351.348
Tổng Công ty Viglacera	trên 3 năm	1.355.200.000	trên 3 năm	1.355.200.000
Các đối tượng khác	trên 3 năm	945.091.796	trên 3 năm	945.091.796
Cộng		7.732.546.664		7.732.546.664

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀĐịa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu kỳ	7.732.546.664	7.526.511.734
Trích lập dự phòng bổ sung		406.560.000
Hoàn nhập dự phòng		(200.525.070)
Số cuối kỳ	<u>7.732.546.664</u>	<u>7.732.546.664</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	13.089.574.114		31.953.574.614	
Nguyên liệu, vật liệu	44.104.846.959		44.561.796.576	
Công cụ, dụng cụ	2.326.883.281		2.403.811.453	
Thành phẩm	99.846.679.446		112.019.173.712	
Hàng hóa	126.115.213.664		59.118.024.895	
Cộng	<u>285.483.197.464</u>		<u>250.056.381.250</u>	

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	190.670.285	29.991.228
Công cụ dụng cụ	669.572.491	39.420.246
Chi phí quảng cáo	1.295.396.929	
Chi phí thuê nhà	2.140.198.557	
Chi phí hàng nhập khẩu	767.214.490	1.726.322.403
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	562.320.481	151.936.805
Cộng	<u>5.625.373.233</u>	<u>1.947.670.682</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	2.641.727.438	2.352.861.287
Chi phí thuê nhà	17.416.665	
Sửa chữa thiết bị, văn phòng	2.947.146.790	3.641.821.570
Các chi phí trả trước dài hạn khác	648.134.472	662.289.404
Cộng	<u>6.254.425.365</u>	<u>6.656.972.261</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TONG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công
Nguyên giá					
Số đầu năm	77.284.218.836	43.492.539.333	30.672.385.618	6.952.381.290	158.401.525.077
Mua sắm mới			898.987.652	45.272.727	944.260.379
Thanh lý, nhượng bán		(247.431.632)			(247.431.632)
Tặng, giảm khác, phân loại lại					
Số cuối kỳ	77.284.218.836	43.245.107.701	31.571.373.270	6.997.654.017	159.098.353.824
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.421.972.549	7.387.077.892	777.029.527	3.612.962.486	13.199.042.454
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	18.904.908.275	26.663.304.016	13.174.427.469	6.395.299.668	65.137.939.428
Khấu hao trong kỳ	600.599.934	812.016.279	782.993.868	97.409.022	2.293.019.103
Thanh lý, nhượng bán		(105.040.088)			(105.040.088)
Giảm do phân loại lại, giảm khác					
Số cuối kỳ	19.505.508.209	27.370.280.207	13.957.421.337	6.492.708.690	67.325.918.443
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	58.379.310.561	16.829.235.317	17.497.958.149	557.081.622	93.263.585.649
Số cuối kỳ	57.778.710.627	15.874.827.494	17.613.951.933	504.945.327	91.772.435.381

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Máy móc và thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	10.908.209.004	6.005.988.211	16.914.197.215
Thuê tài chính trong năm	249.000.000	5.543.390.536	5.792.390.536
Số cuối kỳ	11.157.209.004	11.549.378.747	22.706.587.751
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.826.742.746	211.283.421	2.038.026.167
Khấu hao trong năm	452.290.864	350.762.896	803.053.760
Số cuối kỳ	2.279.033.610	562.046.317	2.841.079.927
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	9.081.466.258	5.794.704.790	14.876.171.048
Số cuối kỳ	8.878.175.394	10.987.332.430	19.865.507.824

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Công ty được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.085.358.991	3.994.323.278	20.079.682.269
Mua sắm mới		2.004.703.512	2.004.703.512
Số cuối kỳ	16.085.358.991	5.999.026.790	22.084.385.781
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		2.922.204.778	2.922.204.778
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3.144.303.663	3.232.185.448	6.376.489.111
Khấu hao trong kỳ	120.924.318	85.310.225	206.234.543
Thanh lý, nhượng bán			
Số cuối kỳ	3.265.227.981	3.317.495.673	6.582.723.654
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.941.055.328	762.137.830	13.703.193.158
Số cuối kỳ	12.820.131.010	2.681.531.117	15.501.662.127

12. Bất động sản đầu tư

Trong kỳ, đơn vị không sở hữu bất động sản đầu tư.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển, giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	227.649.417.644	46.641.417.041	5.378.217.728	268.912.616.957
<i>Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm</i>	<i>4.750.000.000</i>			<i>4.750.000.000</i>
<i>Dự án xây dựng các Showroom</i>	<i>77.657.365.342</i>	<i>2.195.199.218</i>	<i>371.738.004</i>	<i>79.480.826.556</i>
<i>Dự án Sơn Hà Bắc Ninh SHB+SHK</i>	<i>6.844.307.775</i>	<i>119.918.802</i>	<i>5.006.479.724</i>	<i>1.957.746.853</i>
<i>Dự án nước Hà Đông</i>	<i>135.463.519.100</i>	<i>6.067.208.987</i>		<i>141.530.728.087</i>
<i>Dự án Vân Côn An Thượng</i>	<i>2.092.385.166</i>	<i>37.986.462.508</i>		<i>40.078.847.674</i>
<i>Dự án khác</i>	<i>841.840.261</i>	<i>272.627.526</i>		<i>1.114.467.787</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
Cộng	<u>227.649.417.644</u>	<u>46.641.417.041</u>	<u>5.378.217.728</u>	<u>268.912.616.957</u>

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>157.084.501.084</i>	<i>5.644.137.291</i>
Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	12.455.295.975	
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	5.349.432.836	5.384.632.836
Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà	949.915.182	120.493.708
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	59.072.212.163	
Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	8.285.084.855	
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	399.261.003	
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	70.332.375.392	
Son Ha-Myanmar International Limited	32.236.546	32.236.546
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	137.249.771	50.135.201
Công ty TNHH Một Thành Viên Toàn Mỹ Miền Trung	65.499.000	56.639.000
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	5.938.361	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>61.229.399.597</i>	<i>126.022.875.513</i>
Công ty TNHH Posco VST	14.839.173.657	54.846.850.095
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	2.883.512.790	6.212.711.980
Công ty TNHH Thương Mại Xuất nhập khẩu	189.928.583	1.006.381.343

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Minh Ngọc		
WATCH WATER GmbH (NK)	5.569.455.140	5.569.455.140
Công ty Cổ phần TVL	3.363.616.072	
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thiên Long	2.286.496.444	
Các nhà cung cấp khác	32.097.216.911	58.387.476.955
Cộng	<u>218.313.900.681</u>	<u>131.667.012.804</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng khác	2.102.483.588	2.862.254.104
Cộng	<u>2.102.483.588</u>	<u>2.862.254.104</u>

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.468.364.836		33 134 517	(4 468 364 836)	33.134.517	
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			2 875 206 290	(2 875 206 290)		
Thuế xuất, nhập khẩu (*)		420.398.821	163 888 434	(127 019 084)		383.529.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp		631.774.340				631.774.340
Thuế thu nhập cá nhân	189.875.805		553 182 018	(569 597 448)	173.460.375	
Tiền thuê đất		293.169.001	630 093 281		336.924.280	
Các loại thuế khác			5 500 000	(5 500 000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		2.000.000	5 000 000	(5 000 000)		2.000.000
Cộng	<u>4.658.240.641</u>	<u>1.347.342.162</u>	<u>4.266.004.540</u>	<u>(8.050.687.658)</u>	<u>543.519.172</u>	<u>1.017.303.811</u>

(*) Số đầu năm và cuối kỳ là thuế nộp trước khi nhận hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.716.428.710	4.386.510.207
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	161.565.133	(32.019.579.516)
- Các khoản điều chỉnh tăng	161.565.133	157.698.365
<i>Chi phí khấu hao xe ô tô tương ứng nguyên giá vượt 1,6 tỷ</i>	153.533.048	153.533.048
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	8.032.085	4.165.317
- Các khoản điều chỉnh giảm		(32.177.277.881)
<i>Giảm do nhận lợi nhuận được chia</i>		(32.177.277.881)
Thu nhập chịu thuế	4.877.993.843	(27.633.069.309)
Thu nhập miễn thuế	(13.454.042.504)	
Thu nhập tính thuế	(8.576.048.661)	(27.633.069.309)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông

Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với mức 11.566 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với mức 22.510 VND/m².

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương tháng 13	910 519 474	
Chi phí lãi vay phải trả	559 955 001	1.894.091.736
Chi phí phải trả hàng khuyến mãi	2 080 871 229	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	55.000.000	2.123.026.706
Cộng	3.606.345.704	4.017.118.442

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>592.186.132</i>	<i>116.650.145</i>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	467.135.630	
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia Dụng Sơn Hà Bắc Ninh	122.250.357	113.850.000
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam - chi phí lãi vay	2.800.145	2.800.145
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>74.177.701.900</i>	<i>79.978.026.909</i>
Tài sản thừa chờ giải quyết	52.588.500	
Kinh phí công đoàn	100.259.758	124.789.044
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	747.484.835	
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	15.000.000	115.000.000
Phải trả LC UPAS ngân hàng TMCP Tiên Phong	49.438.138.997	48.124.544.703
Phải trả LC UPAS ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	14.581.263.032	23.495.012.841
Đặt cọc dự án nước Vân Côn An Thượng	8.000.000.000	7.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.242.966.778	1.118.680.321
Cộng	74.769.888.032	80.094.677.054

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	40.883.459.554	35.854.778.464
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam ⁽ⁱ⁾	40.883.459.554	35.854.778.464
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.186.431.370.541	1.202.962.261.298
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.155.808.769.162	1.148.208.676.810
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ⁽ⁱⁱ⁾	627.268.569.993	656.536.936.708
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	61.953.535.619	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức ^(iv)	361.552.466.345	366.658.819.232
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở chính ^(v)	29.776.509.621	29.776.509.621
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ^(vi)	75.257.687.584	95.236.411.249
Vay dài hạn đến hạn trả	7.350.846.463	28.890.262.643
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	1.700.000.000	3.400.000.000
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	322.760.000	1.291.040.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	1.229.600.000	3.908.520.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	1.234.066.963	9.106.960.643
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	624.928.500	2.499.714.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	1.425.000.000	5.700.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	814.491.000	2.984.028.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	1.271.754.916	3.863.321.845
Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	296.151.000	3.863.321.845
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust- CN Hà Nội	184.365.916	
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV NHTM CP CT VN	791.238.000	

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	22.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	1.227.314.830.095	1.238.817.039.762

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam, mục đích phục vụ bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 7,38%.
- (ii) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2018/147831/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2018, dư nợ vay tối đa là 830.000.000.000 VND, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán và mở L/C, tài sản đảm bảo là một số máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Diễn.
- (iii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐTDHM/NHCT128-SONHA ngày 09 tháng 01 năm 2017, dư nợ vay tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 VND, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, được bảo đảm bằng thế chấp tài sản là một số máy móc thiết bị, nhà xưởng tại Phùng.
- (iv) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 01/2018/147831/HĐTD ngày 24 tháng 07 năm 2018, hạn mức thường xuyên theo mức dư nợ vay tối đa là 520.000.000.000 VND, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.
- (v) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng 1304/2017/HĐHM/SONHA ngày 22 tháng 5 năm 2017, dư nợ tối đa là 150.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng, bảo lãnh thanh toán và mở L/C, tài sản đảm bảo là thành phẩm tồn kho.
- (vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 170072/NHNTHD ngày 10 tháng 08 năm 2017 với hạn mức 80.000.000.000 VND để thanh toán tiền mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn là 6 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất thả nổi, được đảm bảo bằng thế chấp tài sản là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02/170072/NHNTHD ngày 30/08/2018
- (vii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 13708.18.086.588663.TD ngày 04 tháng 05 năm 2018, hạn mức cho vay 200.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bồn nước, chậu rửa, Thái Dương Năng, máy lọc nước RO, ống thép. Thời hạn cho vay không vượt quá 6 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định trên văn bản nhận nợ, tài sản đảm bảo là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	119.587.325.075	96.438.715.348
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương ⁽ⁱ⁾</i>	<i>11.380.396.932</i>	<i>5.780.939.530</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Đức ⁽ⁱⁱ⁾</i>	<i>1.434.910.000</i>	
<i>Ngân hàng TMCP Bru điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾</i>	<i>645.520.000</i>	
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân ^(iv)</i>	<i>7.047.815.838</i>	<i>5.347.815.838</i>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương^(v)</i>	1.756.035.500	506.178.500
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây^(vi)</i>	62.570.953.879	59.720.953.879
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung^(vii)</i>	34.751.692.926	25.082.827.601
Nợ thuê tài chính	15.724.371.916	9.387.103.963
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	2.966.625.916	
<i>Công ty Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB</i>	2.404.244.000	9.387.103.963
<i>Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-Sumi Trust- CN Hà Nội</i>	10.353.502.000	
Trái phiếu thường ^(viii)	43.410.125.000	43.410.125.000
Cộng	<u>178.721.821.991</u>	<u>149.235.944.311</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2015 với tổng hạn mức là 54.100.000.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích để đầu tư Dự án đầu tư dây chuyền chày rửa cao cấp và Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất sản phẩm bình nước nóng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án.

(ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng số 02/2014/147831/HĐTD ngày 20 tháng 5 năm 2014, số tiền vay là 15.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ với mục đích đầu tư máy móc thiết bị sản xuất Inox và phương tiện vận tải. Thời hạn vay là 60 tháng, ân hạn gốc vay đến ngày 25 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay VND là 12%, USD là 6,5% và được điều chỉnh mỗi quý một lần.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số T11014015/HĐTD-LienVietPostBankTL ngày 23 tháng 10 năm 2014 với hạn mức 10.000.000.000 VND, mục đích vay để mua ô tô phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận tiền vay, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, lãi phạt 150% lãi suất vay trong hạn, trả gốc 3 tháng/lần, trả lãi hàng tháng, thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iv) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2014 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(v) Khoản vay theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2015 với mục đích mua sắm phương tiện vận tải, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân và thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(vi) Ngoại thương Hà tây: Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư 85/17/KHDN/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m³/ngđ, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án trạm xử lý nước Dương Nội có công suất 30.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

m3/ngày và các hạng mục có liên quan thuộc dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông.

(vii) Khoản vay theo HĐ số 62/2017-HDDCVDDADDT/NHCT324-SONHA ngày 29/12/2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện phương án hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐHTKD-NHĐ-SONHA ngày 02/08/2017 giữa công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà để thực hiện dự án đầu tư “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội”, dư nợ vay tối đa là 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62.5% tổng mức đầu tư của dự án (bao gồm VAT), thời hạn vay: 144 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án “Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Vân Côn- An Thượng, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội” mà Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty CP Quốc tế Sơn Hà Hợp tác đầu tư.

(viii) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các kỳ tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An; 2.525.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn, 2.175.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Hoàng Hà.

19b. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	10.372.125.200			(100.350.000)	10.271.775.200
Quỹ phúc lợi					
Cộng	10.372.125.200			(100.350.000)	10.271.775.200

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	853.873.370.000	(47.771.902.648)	(4.186.322.972)	24.375.571.014	129.490.960.610	955.781.676.004
Trả cổ tức bằng cổ phiếu						
Lợi nhuận trong kỳ					4.716.428.710	4.716.428.710
Trích lập các quỹ						
Chia cổ tức						
Phát hành cổ phiếu để đầu tư						
Thường bằng cổ phiếu quỹ						
Thù lao hội đồng quản trị						
Số dư cuối kỳ này	853.873.370.000	(47.771.902.648)	(4.186.322.972)	24.375.571.014	134.207.389.320	960.498.104.714

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Lê Vĩnh Sơn	136.394.900.000	136.394.900.000
Ông Lê Hoàng Hà	85.285.220.000	85.285.220.000
Các cổ đông khác	632.193.250.000	632.193.250.000
Cộng	853.873.370.000	853.873.370.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	85.387.337	85.387.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	85.387.337	85.387.337
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	85.068.477	85.068.477

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Doanh thu bán hàng hóa	158.513.324.469	62.705.674.867
Doanh thu bán thành phẩm	459.573.394.645	465.291.926.894
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.181.150.886	12.405.308.015
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		
Doanh thu hợp tác kinh doanh		52.907.120.393
Cộng	<u>640.267.870.000</u>	<u>593.310.030.169</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Chiết khấu thương mại	7.313.418.342	7.985.491.011
Hàng bán bị trả lại	338.269.941	570.368.840
Giảm giá hàng bán		
Giảm trừ doanh thu của hoạt động hợp tác kinh doanh		
Cộng	<u>7.651.688.283</u>	<u>8.555.859.851</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	148.068.684.664	63.050.919.792
Giá vốn của thành phẩm đã bán	429.415.977.077	467.623.687.730
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.273.544.974	6.459.133.227
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán		
Giá vốn hoạt động hợp tác kinh doanh		35.303.076.326
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho		

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Quý I.2019	Quý I.2018
Cộng	598.758.206.715	572.436.817.075
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý I.2019	Quý I.2018
Lãi tiền gửi	33.463.550	353.529.181
Lãi tiền cho vay	1.655.111.111	960.281.566
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.934.437	7.579.740
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cổ tức nhận được chia	13.454.042.504	31.329.957.372
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn		
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn		
Doanh thu tài chính khác	11.760.000	48.213.490
Cộng	15.167.311.602	32.699.561.349
5. Chi phí tài chính		
	Quý I.2019	Quý I.2018
Chi phí lãi vay	19.215.159.067	16.415.513.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.264.522	155.867.622
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư		2.113.814.295
Hoạt động hợp tác kinh doanh		
Chi phí tài chính khác	46.916.377	1.910.257.668
Cộng	19.271.339.966	20.595.453.105
6. Chi phí bán hàng		
	Quý I.2019	Quý I.2018
Chi phí cho nhân viên	5.158.558.690	619.531.707
Chi phí vật liệu, bao bì	272.399.186	13.500.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	248.435.183	12.609.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.896.660	90.626.541
Chi phí bảo hành	410.929.544	
Chi phí quảng cáo, dịch vụ mua ngoài	5.274.360.268	450.709.984
Hoạt động hợp tác kinh doanh		7.616.807.297
Các chi phí khác	61.307.407	26.482.758
Cộng	11.465.886.938	8.830.268.077

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CNI cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Chi phí cho nhân viên	7.801.772.410	6.319.125.154
Chi phí vật liệu quản lý	6.258.609	19.304.395
Chi phí đồ dùng văn phòng	277.056.681	646.825.626
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.962.348.309	974.809.031
Thuế, phí và lệ phí	138.869.280	33.565.254
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi		
Chi phí thanh toán, mở LC	601.649.802	454.750.736
Hoạt động hợp tác kinh doanh		1.049.684.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.242.244.334	
Các chi phí khác	1.013.121.033	1.576.892.697
Cộng	<u><u>14.043.320.458</u></u>	<u><u>11.074.957.747</u></u>

8. Thu nhập khác

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	145.265.406	
Thu nhập được thưởng từ các đơn vị khác	410.640.000	
Hoạt động hợp tác kinh doanh		496.888.783
Thu nhập khác	26.324.623	136.139.595
Cộng	<u><u>582.230.029</u></u>	<u><u>633.028.378</u></u>

9. Chi phí khác

	<u>Quý I.2019</u>	<u>Quý I.2018</u>
Lỗi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	102.508.476	365.720.969
Thanh lý công cụ dụng cụ		
Thuế bị phạt, bị truy thu	8.032.085	
Phạt do vi phạm hành chính		
Hoạt động hợp tác kinh doanh		392.542.659
Chi phí khác		4.490.206
Cộng	<u><u>110.540.561</u></u>	<u><u>762.753.834</u></u>

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Lập, ngày 28 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Phạm Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Thủy



Lê Vĩnh Sơn